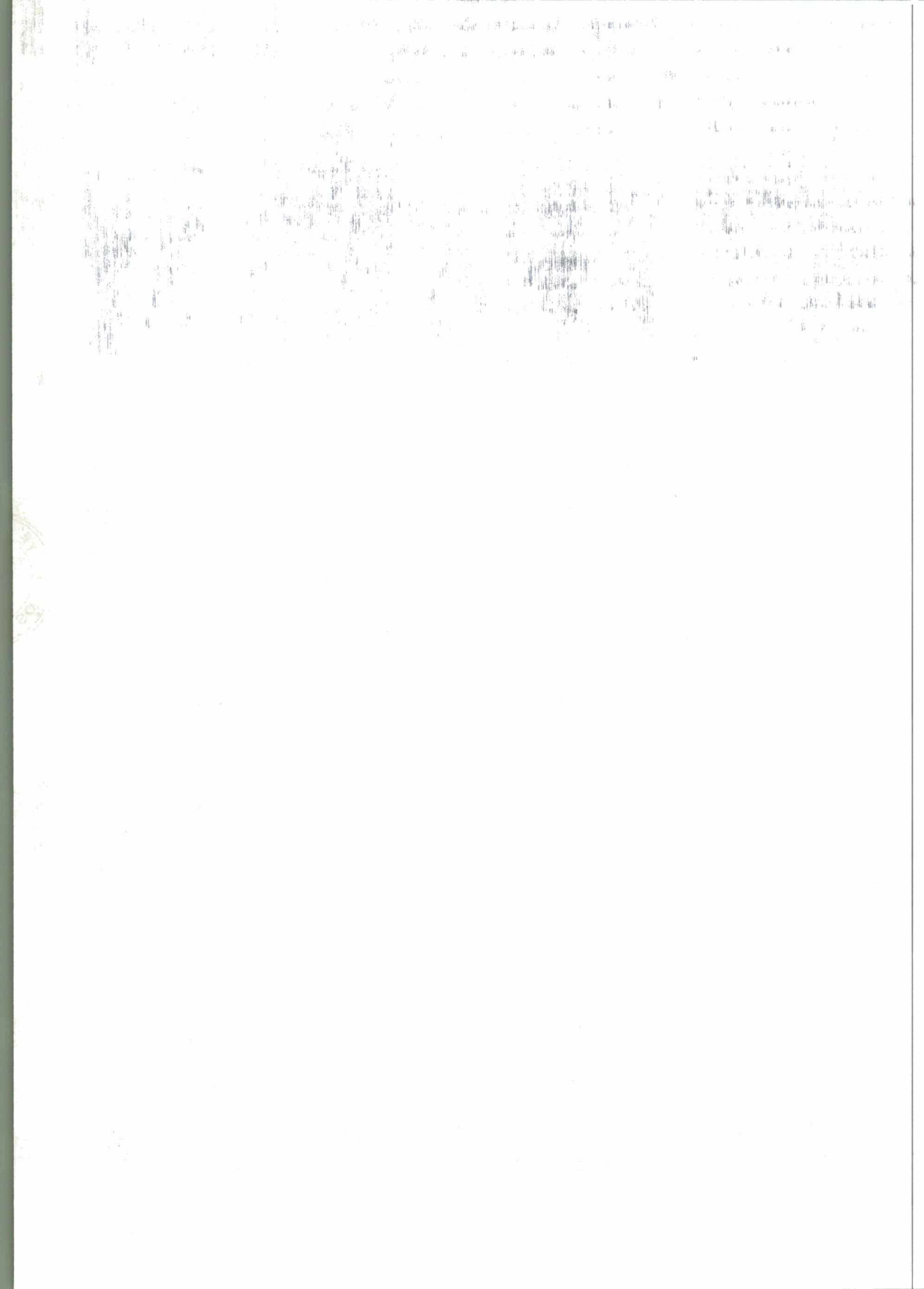


DANH MỤC THUỐC CÔNG KHAI GIÁ SỬ DỤNG CHO BỆNH NHÂN BHYT VÀ BỆNH NHÂN VIỆN PHÍ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ NĂM 2026

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
1	A.T Panthenol	Dexpanthenol	250mg/5g; 15g	Tuýp	15.350 đ	
2	A.T Simvastatin 20	Simvastatin	20mg	Viên	245 đ	
3	A.T Zinc	Kẽm gluconat	70mg	Viên	126 đ	
4	Acetakan 120	Ginkgo biloba	120mg	Viên	1.512 đ	
5	Acyclovir	Aciclovir	0,25g, 5g	Tube	3.488 đ	
6	Acypes 200	Acyclovir	200mg	Viên	395 đ	
7	Adrenalin	Adrenalin	1mg/1ml	Ống	1.260 đ	
8	AGI-BROMHEXINE	Bromhexin hydroclorid	4mg/ 5ml, ống 5ml	Gói	1.260 đ	
9	Agicetam 800	Piracetam	800mg	Viên	357 đ	
10	Agiclari 500	Clarithromycin	500mg	Viên	1.930 đ	
11	Agigout 300	Allopurinol	300mg	Viên	398 đ	
12	Agilecox 100	Celecoxib	100mg	Viên	280 đ	
13	AGILOSART-H 50/12,5	Losartan kali + hydrochlorothiazid	50mg + 12,5mg	Viên	390 đ	
14	Agimol 325	Paracetamol (acetaminophen)	325mg	Gói	1.029 đ	
15	Agitro 500	Azithromycin	500mg	Viên	2.580 đ	
16	ALBENDAZOL 400	Albendazol	400mg	Viên	1.548 đ	
17	Albunorm 20%	Human Albumin	10g/ 50ml	Lọ	758.500 đ	
18	Alcool 70°	Cồn 70°	70 độ/ 60ml	Chai	3.045 đ	
19	Amedolfen 100	Flurbiprofen	100mg	Viên	1.150 đ	
20	Amfortgel	Mỗi 10ml chứa: Nhôm hydroxyd (dưới dạng nhôm hydroxyd gel khô); Magnesi hydroxyd (dưới dạng Magnesi hydroxyd paste 30%)	336,6mg (440mg)/10ml; 390mg/10ml	Gói	2.750 đ	
21	Amoxicilin/Acid clavulanic 500/125	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 125mg	Viên	1.561 đ	
22	An trĩ Anus	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm	600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg; 600mg	Viên	4.590 đ	
23	ANTIMUC 100	N-acetylcystein	200mg/ 10ml	Gói	3.250 đ	
24	Aspirin 100	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylat)	100mg	Gói	2.000 đ	
25	Atenolol	Atenolol	50mg	Viên	104 đ	
26	Atileucine inj	Acetyl leucin	500mg/5ml	Ống	13.350 đ	
27	Atirin Suspension	Ebastin	5mg/5ml; 5ml	Ống	5.900 đ	
28	ATIRLIC FORTE	Magnesi hydroxyd; Nhôm hydroxyd; Simethicon	800mg; 800mg; 100mg	Gói	4.020 đ	
29	Atisolu 125 inj	Methyl prednisolon	125mg	Lọ	21.840 đ	



Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
30	Atorvastatin 20	Atorvastatin	20mg	Viên	121 đ	
31	Atropin sulphat	Atropin sulfat	0,25mg/ ml	Ống	630 đ	
32	Augxicine 250mg/31,25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Gói	1.004 đ	
33	Avis-Cefdinir 250mg	Cefdinir	250mg	Gói	4.980 đ	
34	AYITE	Rebamipid	100mg	Viên	3.200 đ	
35	Bài thạch Danapha	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	1000mg; 100mg; 250mg; 100mg; 150mg; 500mg; 250mg; 100mg; 100mg; 50mg	Viên	430 đ	
36	Bài thạch Trường Phúc	Bạch mao căn; Đương quy; Kim tiền thảo; Xa tiền tử; ý dĩ; Sinh địa.	0,8g; 0,8g; 3,2g; 0,8g; 0,4g; 0,8g	Viên	2.050 đ	
37	Bambuterol 20	Bambuterol hydrochloride	20mg	Viên	612 đ	
38	Bảo mạch hạ huyết áp	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, Hòe hoa	0,6g; 0,5g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,5g; 0,6g	Viên	2.395 đ	
39	Bảo thận đan	Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh, Sơn thù, Phụ tử chế, Quế nhục.	200mg; 200mg; 150mg; 150mg; 150mg; 200mg; 55mg; 55mg	Viên	588 đ	
40	Benita	Budesonide	64mcg/0,05ml; Lọ 150 liều	Lọ	90.000 đ	
41	Betaserc 24mg	Betamastine dihydrochloride	24mg	Viên	5.962 đ	
42	BFS-Famotidin	Famotidin	20mg	Lọ	34.750 đ	
43	BFS-Mecobal	Mecobalamin	500mcg/ ml	Lọ	11.400 đ	
44	Bicefzidim 1g	Ceftazidim	1g	Lọ	10.185 đ	
45	Bidiferon	Sắt sulfat + acid folic	50mg+ 0,35mg	Viên	420 đ	
46	Bidinatec 5	Enalapril maleat	5mg	Viên	830 đ	
47	Bifolox 200mg/100ml	Ofloxacin	200mg/100ml	Chai	91.980 đ	
48	Biragan 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Viên	1.680 đ	
49	Bisoprolol 2,5mg	Bisoprolol fumarat	2,5mg	Viên	684 đ	
50	Bổ huyết ích não	Cao khô Đương quy; Cao khô lá bạch quả	0,3g; 0,04g	Viên	1.549 đ	
51	Bổ mắt TW3	Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Bạch linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.	250mg; 150mg; 125mg; 125mg; 125mg; 150mg; 125mg; 125mg	Viên	714 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
52	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml	Bupivacaine hydrochloride	5mg/ml	Lọ	49.450 đ	
53	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Viên	1.120 đ	
54	Buto-Asma	Salbutamol	100mcg/liều	Bình	49.000 đ	
55	Calci clorid 0,5g/5ml	Calcium chloride dihydrate	500mg/ 5ml	Ống	840 đ	
56	Calcium	Calcium lactate pentahydrate	300mg	Viên	379 đ	
57	Calcium Hasan 250mg	Calci carbonat + calci gluconolactat	150mg + 1470mg	Viên	1.785 đ	
58	CALCIUM STELLA 500 MG	Calci carbonat + Calci lactat gluconat	300mg + 2.940mg	Viên	3.500 đ	
59	Cammic	Acid tranexamic	500mg	Viên	1.030 đ	
60	Candesartan Hct 8/12.5	Candesartan cilexetil; Hydrochlorothiazide	8mg; 12,5mg	Viên	2.350 đ	
61	CAPTAGIM	Captopril	25mg	Viên	105 đ	
62	Cefaclor 125mg	Cefaclor	125mg	Gói	1.280 đ	
63	Cefaclor 250mg	Cefaclor	250mg	Viên	2.450 đ	
64	Cefimbrano 200	Cefixim	200mg	Viên	1.103 đ	
65	Cefoperazone 2g	Cefoperazon	2g	Lọ	60.000 đ	
66	Cefoperazone 2g	Cefoperazon	2g	Lọ	89.400 đ	
67	Cefotaxim	Cefotaxim	2g	Lọ	9.999 đ	
68	Cefotaxime 1g	Cefotaxim	1g	Lọ	5.142 đ	
69	Cefoxitin 1000	Cefoxitin	1g	Lọ	105.000 đ	
70	Ceftibiotic 2000	Ceftizoxim	2g	Lọ	96.600 đ	
71	Ceftriaxone 2000	Ceftriaxon	2g	Lọ	31.400 đ	
72	Ceftrione 1g	Ceftriaxon	1g	Lọ	5.796 đ	
73	Cefuroxime 125mg/5ml	Cefuroxim	125mg/ 5ml, 40g/ 60ml	Lọ	39.816 đ	
74	Cefuroxime 500mg	Cefuroxim	500mg	Viên	2.131 đ	
75	Cephalexin 500 mg	Cefalexin	500mg	Viên	2.750 đ	
76	Ceplorvpc 500	Cefaclor	500mg	Viên	8.600 đ	
77	Cepmaxlox 100	Cefpodoxim	100mg	Viên	8.108 đ	
78	Cepoxitil 200	Cefpodoxim	200mg	Viên	10.270 đ	
79	Ceteconeurovit Fort	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Viên	1.550 đ	
80	Cezmeta	Diosmectit	3g	Gói	756 đ	
81	Chorlatcyn	Actiso; Cao mật lợn khô; Tỏi; Than hoạt tính.	1000mg; 50mg; 50mg; 25mg.	Viên	2.499 đ	
82	Cimetidin 200	Cimetidine	200mg	Viên	320 đ	
83	Ciprofibrate-5a Farma 100mg	Ciprofibrat	100mg	Viên	3.336 đ	
84	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin	500mg	Viên	514 đ	
85	CIPROFLOXACIN KABI	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Chai	10.039 đ	
86	Clorpheniramin 4mg	Chlorpheniramine maleat	4mg	Viên	25 đ	
87	Codalgin Forte	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Viên	3.390 đ	
88	Colchicin	Colchicin	1mg	Viên	596 đ	
89	Colchicine Capel 1mg	Colchicine	1mg	Viên	5.400 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
90	Cồn xoa bóp	O dau, Địa nhai, Đại nôi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Camphora, Riềng	0,6g; 3g; 1,2g; 1,2g; 1,8g; 1,8g; 0,6g; 3g	Chai	20.475 đ	
91	COVERSYL PLUS ARGININE 5MG/1.25MG	Perindopril arginine + Indapamide	5mg + 1,25mg	Viên	6.500 đ	
92	Cytan	Diacerein	50mg	Viên	525 đ	
93	DANAPHA PVP- IODINE 10%	Povidon iod	10g/100ml	Lọ	12.500 đ	
94	Desloratadine	Desloratadin	0,5mg/ml	Chai	12.000 đ	
95	Destacure	Desloratadin	2,5mg/ 5ml, 60ml	Chai	65.126 đ	
96	Devodil 50	Sulpirid	50mg	Viên	2.280 đ	
97	Di-antipain	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	325mg + 37,5mg	Viên	1.600 đ	
98	Diazepam 10mg/2ml	Diazepam	10mg/2ml	Ống	5.250 đ	
99	Diệp hạ châu Vạn Xuân	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	10g; 5g; 2g; 2g; 5g; 1g	Gói 10g	4.280 đ	
100	Digoxin/Anfarm	Digoxin	0,5mg/ 2ml	Ống	27.250 đ	
101	Dimedrol	Diphenhydramin	10mg/ml	Ống	690 đ	
102	Dkasonide	Budesonide	64mcg/liều x 120 liều	Lọ	90.000 đ	
103	Dopamine Renaudin 40mg/ml	Dopamin hydroclorid	200mg/ 5ml	Ống	45.000 đ	
104	Drenoxol	Ambroxol hydrochlorid	30mg/ 10ml	Ống	8.860 đ	
105	Drotusc	Drotaverin hydroclorid	40mg	Viên	570 đ	
106	Dưỡng cốt hoàn	Cao Xương hỗn hợp; Hoàng bá; Tri mẫu; Trần bì; Bạch thược; Can khương; Thục địa	0,75g; 2,4g; 0,3g; 0,6g; 0,6g; 0,15g; 0,6g	Gói 5g	2.100 đ	
107	Dưỡng tâm an thần Danapha	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.	183mg; 175mg; 15mg; 91,25mg; 91,25mg; 91,25mg; 91,25mg; 91,25mg	Viên	400 đ	
108	Ebitac Forte	Enalapril maleate + Hydrochlorothiazide	20mg + 12,5mg	Viên	3.850 đ	
109	Enpovid E400	Vitamin E	400IU	Viên	430 đ	
110	Enterobella	Bacillus clausii	1 tỷ - 2 tỷ	Gói	3.029 đ	
111	Enterogolds	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Viên	2.715 đ	
112	Enterogran	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/g	Gói	3.520 đ	
113	Ephedrine Aguettant 30mg/ml	Ephedrin hydroclorid	30mg/ ml	Ống	57.750 đ	
114	Etirabol 80/12.5	Telmisartan + Hydrochlorothiazide	80mg + 12,5mg	Viên	7.497 đ	
115	Fabadroxil 500	Cefadroxil	500mg	Viên	2.415 đ	
116	Famodin 40mg	Famotidine	40mg	Viên	2.121 đ	
117	Fegra 180	Fexofenadin hydroclorid	180mg	Viên	4.150 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
118	Fitôgra-F	Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế.	330mg; 330mg; 330mg; 100mg	Viên	4.100 đ	
119	Flodicar 5mg MR	Felodipin	5mg	Viên	1.150 đ	
120	Flucason	Fluticasone Propionate	50mcg	Lọ	96.000 đ	
121	Flunarizin 10mg	Flunarizin	10mg	Viên	377 đ	
122	Fluvastatin 20 mg	Fluvastatin	20mg	Viên	4.557 đ	
123	Propofol 1% MCT/CT	Propofol	1% (10mg/ml)	Ống	24.435 đ	
124	Fumagate	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	0,8g + 0,4g + 0,08g	Gói	3.250 đ	
125	Gabarel	Gabapentin	300mg	Viên	3.150 đ	
126	Gastevin 30mg	Lansoprazol	30mg	Viên	9.500 đ	
127	Gentamicin 80mg	Gentamicin	80mg/ 2ml	Ống	1.020 đ	
128	Gentinx	Gentamicin	0,3%/ 5ml	Lọ	1.890 đ	
129	Glimaron	Metformin hydrochlorid + Glibenclamid	500mg + 5mg	Viên	1.180 đ	
130	Glizym-M	Gliclazide + Metformin hydrochloride	80mg + 500mg	Viên	3.300 đ	
131	Glucose 10%	Mỗi 100ml chứa: Glucose 10g	10%, 500ml	Túi	8.500 đ	
132	GLUCOSE 30%	Glucose khan	30%/500ml	Chai	15.960 đ	
133	Glucose 5%	Mỗi 100ml chứa Glucose 5g	5%, 500ml	Túi	6.600 đ	
134	Glycinorm-80	Gliclazid	80mg	Viên	1.880 đ	
135	Haduirbe Extra	Irbesartan + hydrochlorothiazid	300mg + 12,5mg	Viên	3.000 đ	
136	Haemostop	Acid tranexamic	100mg/ml	Ống	10.050 đ	
137	Haloperidol 1,5 mg	Haloperidol	1,5mg	Viên	95 đ	
138	Hamov	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe, Bạch truật.	150mg; 150mg; 150mg; 300mg	Viên	903 đ	
139	Hapacol 150	Paracetamol	150mg	Gói	689 đ	
140	Hapacol 250	Paracetamol	250mg	Gói	1.764 đ	
141	Hapacol 650	Paracetamol	650mg	Viên	429 đ	
142	Hasanbest 500/2.5	Metformin hydroclorid + Glibenclamid	500mg + 2,5mg	Viên	1.743 đ	
143	Hepaforter MKP	Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.	800mg, 200mg, 200mg, 200mg	Viên	1.650 đ	
144	Racecadotril 30mg Children	Racecadotril	30mg	Gói	5.354 đ	
145	Hismedan	Trimetazidin dihydroclorid	20mg	Viên	145 đ	
146	Hoạt huyết dưỡng não	Đinh lăng, Bạch quả.	910mg; 100mg	Viên	175 đ	
147	Hoạt huyết thông mạch K/H	Hà thủ ô đỏ, Bạch truật, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa, Hồng hoa.	20g; 30g; 30g; 30g; 20g; 40g; 15g;	Chai	41.200 đ	
148	HORNOL	Cytidin monophosphat disodium + Uridin monophosphat disodium	5mg + 3mg	Viên	4.390 đ	
149	IBARTAIN MR	Irbesartan	150mg	Viên	6.498 đ	
150	Ibuprofen Sienal 600	Ibuprofen	600mg	Viên	2.500 đ	
151	Idaroxyl	Doxycyclin	100mg	Viên	530 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
152	Imefed 250mg/31,25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg+31,25mg	Gói	22.490 đ	
153	Imenir 125 mg	Cefdinir	125mg	Gói	12.000 đ	
154	Imexime 100	Cefixim	100mg	Gói	6.489 đ	
155	Imidu 60 MG	Isosorbid-5-mononitrat	60mg	Viên	2.489 đ	
156	Irbemac H 300 Plus	Irbesartan + Hydrochlorothiazid	300mg + 25mg	Viên	10.857 đ	
157	Irbevel 300	Irbesartan	300mg	Viên	5.670 đ	
158	Itranstad	Itraconazole	100mg	Viên	7.350 đ	
159	Kaflovo	Levofloxacin	500mg	Viên	879 đ	
160	Katrypsin	Alpha chymotrypsin	21 microkats	Viên	106 đ	
161	Kevindol	Ketorolac	30mg/1ml	Ống	35.000 đ	
162	KHANG MINH THANH HUYẾT	Kim ngân hoa; Nhân trần tía; Thương nhĩ tử; Nghệ; Sinh địa; Bồ công anh; Cam thảo	300mg; 300mg; 150mg; 200mg; 150mg; 300mg; 50mg	Viên	1.990 đ	
163	KHANG MINH TỶ VIÊM NANG	Tân di hoa; Thăng ma; Xuyên khung; Bạch chỉ; Cam thảo	600mg; 300mg; 300mg; 300mg; 50mg	Viên	2.200 đ	
164	Lacbiosyn	Lactobacillus acidophilus	100 triệu CFU	Viên	1.420 đ	
165	Lercatop 10mg	Lercanidipin hydroclorid	10mg	Viên	8.090 đ	
166	Lertazin 5mg	Levocetirizine dihydrochloride	5mg	Viên	3.710 đ	
167	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Lidocain hydroclorid	40mg/ 2ml	Ống	500 đ	
168	LIPAGIM 300	Fenofibrat	300mg	Viên	440 đ	
169	Lopassi	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	500mg; 700mg; 500mg; 100mg; 1000mg	Viên	925 đ	
170	Loratadin 10	Loratadin	10mg	Viên	124 đ	
171	Loxfen	Loxoprofen natri	60mg	Viên	1.900 đ	
172	Lucitromyl 4mg	Thiocolchicosisid	4mg	Viên	803 đ	
173	LUFOGEL	Mỗi gói 20ml chứa: Dioctahedral smectit	3g/20ml	Gói	4.400 đ	
174	MAGNESI SULFAT KABI 15%	Magnesi sulfat	15%/ 10ml	Ống	2.900 đ	
175	Manitol 20%	Manitol	20%/ 500ml	Chai	35.000 đ	
176	Mebendazol	Mebendazol	500mg	Viên	1.440 đ	
177	Mebikol	Methyl prednisolon	4mg	Viên	699 đ	
178	Mediphyllamin	Bột bèo hoa dâu	250mg	Viên	1.900 đ	
179	Gastro-resistant capsule	Omeprazole	40mg	Viên	5.859 đ	
180	Melanov-M	Gliclazide + Metformin hydrochloride	80mg+500mg	Viên	3.850 đ	
181	MELOXICAM 7,5	Meloxicam	7,5 mg	Viên	63 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
182	Mepoly	Dexamethason; Neomycin; Polymyxin B sulfat	(10mg; 35mg; 100.000IU)/10ml	Lọ	37.000 đ	
183	Metformin 500mg	Metformin HCl	500mg	Viên	158 đ	
184	Metformin XR 500	Metformin HCl	500mg	Viên	504 đ	
185	Methylprednisolon 16	Methylprednisolon	16mg	Viên	666 đ	
186	Methylprednisolon 4	Methylprednisolon	4mg	Viên	186 đ	
187	Metiny	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrate)	375mg	Viên	9.900 đ	
188	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Viên	118 đ	
189	Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazole	500mg/100ml	Túi	6.447 đ	
190	MEYERAPAGIL	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 158mg	Viên	1.112 đ	
191	Midaclo 500	Cefaclor	500mg	Viên	3.900 đ	
192	Midatoren 160/25	Valsartan + Hydrochlorothiazid	160mg + 25mg	Viên	1.900 đ	
193	Moxilen 500mg	Amoxicilin	500mg	Viên	2.338 đ	
194	Mumcal	Calci lactat	500 mg/10 ml	Ống	2.740 đ	
195	Mypara	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên	550 đ	
196	Mypara 500	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên	200 đ	
197	NATRI BICARBONAT 1,4%	Natri bicarbonat	1,4%/ 500ml	Chai	40.000 đ	
198	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/ 10ml	Lọ	1.300 đ	
199	Natri Clorid 0.9%	Natri Clorid	0,9%/ 500ml	Chai	6.000 đ	
200	Neo-Tergynan	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Viên	11.880 đ	
201	Nexipraz 40	Esomeprazol	40mg	Viên	3.470 đ	
202	Ngân kiều giải độc-F	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới, Ngưu bàng tử, Đạm đậu sị.	400mg; 400mg; 240mg; 24mg; 160mg; 200mg; 160mg; 240mg; 200mg	Viên	630 đ	
203	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin	20mg	Viên	672 đ	
204	Noradrenalin 10mg/10ml	Noradrenalin	10mg/10ml	Ống	140.000 đ	
205	Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	10ml	Ống	684 đ	
206	Nước cất pha tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm	5ml	Ống	504 đ	
207	Obibebe	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Ống	4.079 đ	
208	Olesom	Ambroxol hydrochlorid	30mg/5ml, 100ml	Chai	41.013 đ	
209	Osvimec 300	Cefdinir	300mg	Viên	10.689 đ	
210	Pamagel	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800mg + 800mg + 60mg	Gói	3.900 đ	
211	Panactol	Paracetamol	500mg	Viên	85 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
212	Paparin	Papaverin hydroclorid	40mg/2ml	Ống	3.100 đ	
213	PARABEST	Paracetamol + Clorpheniramin maleat	500mg + 2mg	Viên	2.650 đ	
214	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol	10mg/1ml	Túi	8.490 đ	
215	Paracetamol 500	Paracetamol	500mg	Viên	2.050 đ	
216	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên	520 đ	
217	Pavadin Tablets 20mg	Pravastatin Sodium	20mg	Viên	6.149 đ	
218	Pdsolone-40mg	Methyl prednisolon	40mg	Lọ	27.700 đ	
219	Peruzi 12,5	Carvedilol	12,5mg	Viên	689 đ	
220	Pharnanca	Cam thảo; Bạch mao căn; Bạch thược; Đan sâm; Bân lam căn; Hoắc hương; Sài hồ; Liên kiều; Thần khúc; Chi thực; Mạch nha; Nghệ	20mg; 400mg; 400mg; 400mg; 300mg; 300mg; 400mg; 300mg; 300mg; 400mg; 300mg; 400mg	Viên	2.200 đ	
221	Phong tê thấp	Hà thủ ô đỏ, Thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, huyết giác	30g; 30g; 30g; 30g; 17g; 16,5g; 16,5g	Chai 200ml	33.600 đ	
222	PHONG TÊ THẤP BÀ GIÀNG	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.	56mg; 56mg; 56mg; 48mg; 32mg; 64mg; 64mg; 80mg	Viên	1.399 đ	
223	Pidocyclic 75/100	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	100mg + 75mg	Viên	840 đ	
224	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	Potassium chloride	1g/10ml	Ống	5.500 đ	
225	Povidon iodine 10%	Povidon iodine	10% / 500ml	Chai	42.800 đ	
226	Prednisolon 5 mg	Prednisolon	5mg	Viên	76 đ	
227	Pregabalin 75mg	Pregabalin	75mg	Viên	485 đ	
228	Progermila	Bacillus clausii	2 tỷ CFU/5ml	Ống	5.460 đ	
229	Pyzacar 50 mg	Losartan kali	50mg	Viên	1.128 đ	
230	Rabepagi 20	Rabeprazol natri	20mg	Viên	420 đ	
231	Renatab 10	Enalapril maleat	10mg	Viên	185 đ	
232	Rheumapain - H	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ, Thiên niên kiện, Huyết giác.	800mg; 400mg; 400mg; 400mg; 400mg; 300mg; 300mg	Viên	815 đ	
233	RINGER LACTATE	Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid 2H2O	(3g; 0,2g; 1,6g; 0,135g)/500ml	Chai	6.799 đ	
234	SALBUTAMOL KABI 0,5MG/1ML	Salbutamol	0,5mg/ml	Ống	1.700 đ	
235	Salbuvin	Salbutamol	2mg/5ml	Gói	4.780 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
236	Satarex	Beclometason (dipropionat)	50 mcg/ liều xịt, lọ 150 liều	Lọ	55.900 đ	
237	Savdiaride 2	Glimepirid	2mg	Viên	330 đ	
238	SaVi Candesartan 12	Candesartan Cilexetil	12mg	Viên	4.580 đ	
239	Savi Enalapril HCT 10/12,5	Enalapril maleat + hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Viên	3.500 đ	
240	Savi Eperisone 50	Eperison hydroclorid	50mg	Viên	360 đ	
241	Savi Fluvastatin 40	Fluvastatin	40mg	Viên	6.750 đ	
242	SAVI MESALAZINE 500	Mesalazin	500mg	Viên	7.950 đ	
243	SaVi Pantoprazole 40	Pantoprazol	40mg	Viên	775 đ	
244	SaVi Valsartan Plus HCT 80/12.5	Valsartan + Hydrochlorothiazid	80mg+12,5mg	Viên	7.450 đ	
245	SaViBroxol 30	Ambroxol HCL	30mg	Viên	1.950 đ	
246	SaViLeucin	Acetyl leucin	500mg	Viên	2.200 đ	
247	Seaoflura	Sevoflurane	250ml	Chai	1.523.550 đ	
248	Seduxen 5 mg	Diazepam	5mg	Viên	1.260 đ	
249	Smoflipid 20%	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	(6g + 6g + 5g + 3g)/100ml	Chai	105.000 đ	
250	Solpedia	Perindopril arginin	5 mg	Viên	650 đ	
251	Statripsine	Alphachymotrypsine (tương đương alphachymotrypsine 21 microkatál)	4,2mg	Viên	800 đ	
252	Sunigam 100	Tiaprofenic acid	100mg	Viên	5.000 đ	
253	Superyin	Quy bản, Thực địa, Hoàng bá, Tri mẫu.	1,5g; 1,5g; 0,5g; 0,5g	Viên	1.260 đ	
254	Takizd	Furosemid	20mg/ 2ml	Ống	630 đ	
255	Telmiam	Telmisartan; Amlodipine	40mg+5mg	Viên	7.050 đ	
256	Thấp khớp Nam Dược	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bô cốt chỉ.	1g; 1g; 1,5g; 1g; 1g; 1g; 1g; 1g; 1g; 0,5g	Viên	2.150 đ	
257	THcomet - GP2	Metformin hydrochloride; Glimepirid	500mg; 2mg	Viên	2.499 đ	
258	Thelizin	Alimemazin	5mg	Viên	66 đ	
259	Theresol	Natri clorid + kali clorid + natri citrat dihydrat+ glucose khan	0,7g+ 0.3g + 0.58g+ 4g	Gói	1.650 đ	
260	Thông xoang tán Nam Dược	Tân di, Cáo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	200mg; 200mg; 300mg; 200mg; 200mg; 100mg; 200mg; 100mg	Viên	1.900 đ	
261	Thuốc ho Astemix	Húng chanh; Núc nác; Cineol	(500mg; 125mg; 0,883mg)/1ml	Chai 120ml	60.963 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
262	Thuốc ho Tartaricus	Cát cánh, Kinh giới, Từ uyển, Bách bộ, Hạnh nhân đắng, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn	7,5g; 12,5g; 12,5g; 12,5g; 12,5g; 10,0g; 10,0g; 12,5g	Chai 125ml	38.000 đ	
263	Thuốc ho trẻ em OPC	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiên hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol.	16,2g, 1,8g, 2,79g, 1,8g, 1,8g, 2,7g, 1,8g, 0,9g, 1,8g, 18mg	Chai	25.410 đ	
264	Tilcotil	Tenoxicam	20mg	Viên	7.400 đ	
265	Tinidazol	Tinidazol	500mg	Viên	400 đ	
266	Tiram	Tiropamid hydroclorid	100mg	Viên	1.038 đ	
267	Tobidex	Tobramycin + dexamethason natri phosphate	(15mg+5mg)/5ml	Lọ	6.510 đ	
268	Trimexazol	Sulfamethoxazol + trimethoprim	(200mg+40mg)/5ml, lọ 60ml	Chai	19.950 đ	
269	Tuspi Kids	Paracetamol (acetaminophen)	120mg/5ml, 5ml	Gói	1.470 đ	
270	Ubinutro	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	Mỗi lọ 120ml chứa: Lysine HCl 1200mg; Vitamin B1 26,7mg; Vitamin B2 26,7mg; Vitamin B6 26,7mg; Vitamin PP 24mg; Kẽm sulfat tương đương kẽm 40mg;	Lọ	45.000 đ	
271	Valclorex	Amlodipin + Valsartan	5mg + 80mg	Viên	6.300 đ	
272	Valygyno	Nystatin + neomycin + polymyxin B	100.000IU+ 35.000IU+ 35.000IU	Viên	3.960 đ	
273	Varogel S	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	800,4mg + 611,76mg	Gói	2.730 đ	
274	Vastec	Trimetazidin dihydroclorid	20mg	viên	249 đ	
275	Viên bách trĩ	Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Đại táo	340mg; 280mg; 60mg; 60mg; 60mg; 60mg; 60mg; 60mg; 280mg	Viên	693 đ	
276	Viên nang sâm nhung HT	Nhân sâm; Nhung hươu; Cao ban long	20mg; 25mg; 50mg	Viên	4.179 đ	
277	Vigentin 875mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Viên	4.700 đ	
278	Vincomid	Metoclopramid hydroclorid	10mg/2ml	Ống	975 đ	
279	Vincopane	Hyoscin -N- butylbromid	20mg/1ml	Ống	2.715 đ	

Stt	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
280	Vinphason	Hydrocortison	100mg	Lọ	6.489 đ	
281	Vinphaton	Vinpocetin	5mg	Viên	245 đ	
282	Vinphatoxin	Oxytocin	5IU/1ml	Ống	2.750 đ	
283	Vinrovit 5000	Thiamin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid + Cyanocobalamin	50mg+250mg+5mg	Lọ	6.580 đ	
284	Vintolox	Pantoprazole	40mg	Lọ	5.900 đ	
285	Vinxium	Esomeprazol	40mg	Lọ	7.835 đ	
286	Vitamin 3B extra	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150mcg	Viên	1.050 đ	
287	VITAMIN C STELLA 1G	Vitamin C	1g	Viên	1.890 đ	
288	Vitamin K1 1 mg/1ml	Vitamin K1	1mg/ml	Ống	1.250 đ	
289	Vitamin PP	Nicotinamid	500mg	Viên	157 đ	
290	Vitol	Natri hyaluronat	0,18% (w/v) - Lọ 12ml	Lọ	39.000 đ	
291	Xoang Vạn Xuân	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạch hà.	200mg; 200mg; 200mg; 200mg; 150mg; 200mg; 100mg	Viên	800 đ	
292	Xuan	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì	1g; 1g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,4g; 0,3g; 0,3g; 0,3g; 0,3g	Gói 10g	3.780 đ	
293	Zensalbu nebules 2.5	Salbutamol sulfat	2,5mg/ 2,5ml	Ống	4.410 đ	
294	Zensalbu nebules 5.0	Salbutamol sulfat	5mg/2,5ml	Ống	8.400 đ	
295	ZidocinDHG	Spiramycin + Metronidazol	750.000 IU + 125mg	Viên	1.911 đ	
296	Zinbebe	Kẽm gluconat	700mg/ 50ml	Lọ	24.999 đ	
297	Zoamco - A	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Viên	3.250 đ	
298	Zoximcef 1 g	Ceftizoxim	1g	Lọ	66.987 đ	
Tổng cộng: 298 danh mục						

KHOA DƯỢC - TTB - VTYT

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC


DS. Nguyễn Nam Cường



Trương Thị Anh Hòa